

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2024/DS-PT

Ngày: 27-3-2024

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bá Kha

Các Thẩm phán:

Ông Võ Văn Linh

Ông Nguyễn Thành Quang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Đào Thị Ngọc Trâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 255/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 12 năm 2023, về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 96/2023/DS-ST ngày 10/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1935. (Đã chết)

Địa chỉ: Ấp A Chợ, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L:*

1. Ông Võ Thanh T, sinh năm 1965

Địa chỉ: Số A T, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. Ông Võ Việt B, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số B, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

3. Bà Võ Thị N, sinh năm 1968

4. Bà Võ Thị T1, sinh năm 1972

5. Ông Võ Đông D, sinh năm 1974

6. Ông Võ Dương Đ, sinh năm 1976

7. Ông Võ Minh Đ1, sinh năm 1978

8. Bà Võ Thị Đ2, sinh năm 1981

9. Ông Võ Thanh N1, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị L: Ông Võ Thanh N1, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp A Chợ, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Võ Thanh N1: Luật sư

Thái Đức G – Công ty L2 – Đoàn luật sư tỉnh K.

***Bị đơn:** Ông **Đặng Hoài T2** sinh năm 1963, bà **Trần Thị N2**, sinh năm 1967.

Người đại diện theo ủy quyền của bà **Trần Thị N2**: Ông **Đặng Hoài T2**, sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: **Ấp A, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.**

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Ngân hàng N4

Địa chỉ: **Số B L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trịnh Thủ Đ3** – Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh **Ngân hàng N4 – Chi nhánh A.** Địa chỉ: **Khu phố B, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.**

- **Người kháng cáo:** Người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà **Huỳnh Thị L** ông **Võ Thanh N1.**

(Ông **Võ Thanh N1**, luật sư **Thái Đức G** và ông **Đặng Hoài T2** có mặt, còn lại các đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày:** Đất gia đình bà **L** là do ông bà để lại, giáp ranh đất ba của ông **T2**. Chồng bà **L** có đào mương 1,5 mét, phía ba ông **T2** đào mương khoảng 0,5 mét. Trước đây có cặm ranh bằng cây trụ hậu đến mặt tiền. Sau này có thống nhất cặm trụ đá, có các bên chứng kiến và có chính quyền địa phương chứng kiến. Trước đây tranh chấp hai bên thống nhất chia đôi phần tranh chấp, có cặm lại trụ đá chỗ áp chiến lược, khi còbe vào thì lún xuống, có nhổ lên thì gãy trụ đá và lấy trụ đá khác cặm lại. Sau đó phát hiện cây trụ đá mất, anh **N1** có cho ông **T2** hay, nhưng ông **T2** nói không biết, anh **N1** có trình với chính quyền áp nhưng không thấy giải quyết. Khi anh **N1** chuẩn bị xây hàng rào thì xảy ra tranh chấp. Ông **T2** nói phía mặt tiền giáp Lộ 967 từ trụ đá còn qua bên anh **N1** 03 tác nữa. Nay yêu cầu xác định giáp Lộ 967 là trụ đá đã được cặm trước đây, từ đó ra Lộ Xuyên Á còn 03 trụ nữa. Những người đào mương hiện nay đã chết hết nên không còn người làm chứng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện phía nguyên đơn cho rằng chiều ngang đất bà **L** là 43 mét; giữ nguyên yêu cầu ban đầu, yêu cầu ông **T2**, bà **N2** trả phần đất ngang giáp Lộ 967 là 0,3 mét, đoạn giáp **Kinh T** là 0,5 mét. Đoạn từ **Kinh T** trở ra Lộ Xuyên Á không tranh chấp.

- **Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông T2 (Đồng thời là đại diện cho bà N2) trình bày:** Đất của ông là được cha cho, ranh đất là đoạn thẳng nhưng do sử dụng làm cong, chứ đất lúc trước là thẳng từ đầu này tới đầu kia. Trước đây ranh là con mương chạy dài từ Lộ 967 đến **Kinh Đầu N**, mương do hai bên đào, mỗi bên đào 0,6 mét. Phía bên ông **T2** có bờ cách mương 0,6 mét trồng hàng trăm, còn phía bên gia đình anh **N1** không có bờ mà ban lan ra, cũng có trồng trăm. Khi làm giấy tờ đất có cặm 05 trụ đá, phía ngoài Lộ Xuyên Á đến **Kinh Đầu Ngàn 01** trụ, còn từ Lộ Xuyên Á vào Lộ 967 là 04 trụ, hiện nay trụ đá giáp Lộ 967 và Lộ Xuyên Á còn nhưng các trụ giữa đã mất, giờ phía **N1** nói mới

đào gặp nhưng khi đào không có cho gia đình ông T2 hoặc chính quyền hay chứng kiến. Trụ đá giáp Lộ Xuyên Á còn chỗ cũ, còn trụ đá giáp Lộ 967 đã bị dời, khi công trình dẫn ống nước ngang thì gia đình N1 nói do mấy người làm công trình nhỏ nên cặm lại, nhưng theo ông T2 thì mấy người làm công trình sẽ không dám nhỏ nếu chưa có ý kiến của chủ đất. Ông T2 xác định đất ông T2 là đoạn thẳng từ Lộ 967 ra đến L. Trụ đá giáp Lộ 967 qua phía bà L còn 03 tấc nữa mới đến ranh, còn trụ đá đoạn Lộ Xuyên Á thì như hiện nay. Những người đào mương hiện nay đã chết hết nên không còn người làm chứng.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông T2 trình bày: Khi ông chuyển nhượng một phần đất cho người khác thì đất ông giáp Lộ 967 còn lại chiều ngang 10 mét; năm 2018 ông điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có đo đạc lại thì chiều ngang giáp Lộ 967 chỉ còn 9,7 mét, giáp Kinh T là 27 mét; lúc đo đạc anh N1 là người sử dụng đất giáp ranh có ký chứng kiến. Nay thống nhất từ vị trí ông T2 chỉ (Đ) dời về phía đất ông T2 0,19 mét, tức là từ vị trí anh N1 chỉ (Điểm 9) dời qua phía anh N1 0,12 mét, đủ của ông T2 chiều ngang giáp Lộ 967 là 9,7 mét theo sơ đồ được cấp giấy. Không chấp nhận yêu cầu của gia đình bà L.

- **Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Ngân hàng (A1) trình bày:** Quyền sử dụng đất ông T2 đang thế chấp vay tiền tại Ngân hàng, ông T2 vẫn thực hiện tốt nghĩa vụ, diện tích đất tranh chấp nhỏ không làm ảnh hưởng đến việc thanh toán nợ nên Ngân hàng không yêu cầu gì trong vụ án này.

**Tại bản án dân sự sơ thẩm số 96/2023/DS-ST ngày 10/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:*

1- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (Đại diện là anh N1) về việc tranh chấp quyền sử dụng đất (Ranh đất) với bị đơn ông Đặng Hoài T2 và bà Trần Thị N2.

Ghi nhận ý kiến của ông T2, xác định lại vị trí ranh đất giáp Lộ 967 tại vị trí số 6 dời qua đất ông T2 0,19 mét; phần đất tọa lạc ấp A Chợ, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Sơ đồ vị trí, kích thước cụ thể của thửa đất được xác định theo Tờ trích đo địa chính số: TĐ 93 - 2023 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện A duyệt ngày 8/8/2023).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 23/11/2023, người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị L ông Võ Thanh N1 có đơn kháng cáo với nội dung:

Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả phần đất ngang giáp lộ 967 là 03 tấc và ngang giáp Kinh thủy lợi là 05 tấc.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị L ông Võ Thanh N1 giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn ông **Đặng Hoài T2** và bà **Trần Thị N2** không có kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm số 96/2023/DS-ST ngày 10/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

*LS **Thái Đức G** trình bày tranh luận: Bản án sơ thẩm đã tuyên là chưa đảm bảo để thi hành án. Về biên bản hòa giải cơ sở cũng không bảo đảm thành phần, không có trưởng ấp tham gia. Khi thẩm định tại chỗ không tiến hành đào để xem xét cốt chôn khi thỏa thuận từ đầu, đó mới là chứng cứ xác đáng nhất. Bản án sơ thẩm dựa vào giấy đất năm 2018, khi ký giáp ranh không phải là mình ông **N1**, đất cấp cho hộ thì phải tất cả người trong hộ ký, bản án sơ thẩm cũng không định giá là vi phạm tố tụng, không công khai chứng cứ hai bên. Đề nghị hủy án để xét xử lại cho đúng

*Ông **N1** không có tranh luận

*Ông **T2** tranh luận: Tôi yêu cầu căn cứ giấy đất nếu đo của tôi dư tôi đồng ý trả lại

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông **Võ Thanh N1**, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 96/2023/DS-ST ngày 10/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang về tuyên án đối với nội dung chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vị trí tứ cận, chi phí tố tụng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà **Huỳnh Thị L** ông **Võ Thanh N1** về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm những người vắng mặt tại phiên toà nhưng có người đại diện theo ủy quyền nên áp dụng khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định.

[2] Về nội dung kháng cáo của bản án sơ thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà **Huỳnh Thị L**

ông **Võ Thanh N1** kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả phần đất ngang giáp lộ 967 là 0,3m và ngang giáp Kinh thủy lợi là 0,5m.

Hội đồng xét xử xét thấy: Phía nguyên đơn cho rằng bị đơn lấn chiếm đất có chiều ngang giáp Lộ 967 là 0,3 mét, ngang giáp **Kinh T** là 0,5 mét, chiều dài từ Lộ 967 đến **Kinh T** (Từ **Kinh T** trở ra Lộ Xuyên Á và **Kinh Đ4** Ngàn không tranh chấp).

Ranh đất giữa nguyên đơn và bị đơn trước đây có xác định nhưng do quá trình sử dụng hai bên cho rằng có dời trụ đá, hiện trạng không còn như trước.

Đại diện phía nguyên đơn (Anh **N1**) trình bày đất của gia đình anh giáp Lộ 967 và giáp Kinh Thủy Lợi có chiều ngang là 43 mét. Nhưng do đất được cấp giấy từ năm 2003 nên không có sơ đồ bản vẽ.

Như vậy phần đất của nguyên đơn được cấp đổi từ giấy xanh sang giấy đỏ vào năm 2003, không có đo đạc thực tế. Phần đất bị đơn sử dụng đến năm 2018 có điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng và có đo đạc thực tế, lập sơ đồ bản vẽ theo quy định. Lúc này có anh **N1** là người đang quản lý, sử dụng đất của bà **L** ký giáp ranh. Theo sơ đồ cấp quyền sử dụng đất cho ông **T2**, bà **N2** thì đoạn chiều ngang giáp với **L1** 967 là 9,7 mét, giáp Kinh Hậu (**Tức Kinh T**) là 27 mét. Theo tờ trích đo địa chính số ĐT 93-2023 (Bút lục 123) do Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thì phần đất của nguyên đơn chưa tính phần tranh chấp đã có chiều ngang giáp Kinh Thủy Lợi là 43,27 mét. Trong khi anh **N1** trình bày đất nguyên đơn có chiều ngang 43 mét, như vậy chưa tính phần đất tranh chấp thì chiều ngang đất bà **L** vẫn thừa. Trong khi đất ông **T2** cộng cả phần tranh chấp thì chỉ có chiều ngang 26,7 mét ($25.50 + 1.50$), thiếu so với sơ đồ được cấp quyền sử dụng có số đo được cấp là (27 mét).

Phần đất giáp Lộ 967, theo vị trí ông **T2** xác định (Điểm 6) thì đất ông **T2** thừa so với sơ đồ cấp giấy là 0,19 mét, theo vị trí anh **N1** xác định (**Đ**) thì đất ông **T2** thiếu 0,12 mét. Tại phiên tòa sơ thẩm ông **T2** đồng ý và xác định chỉ lấy đủ 9,7 mét theo sơ đồ được cấp giấy, tức từ điểm 6 trở về đất ông 0,19 mét. Nhưng anh **N1** vẫn không đồng ý và cho rằng khi ông **T2** đo đạc điều chỉnh quyền sử dụng đất anh có ký giáp ranh nhưng do địa chính kê ký bổ sung hồ sơ chứ không phải ký là để xác định ranh đất nên vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Xét thấy rằng, các bên sử dụng đất giáp ranh, phía đất bà **L** đứng tên do anh **N1** trực tiếp quản lý, sử dụng chưa có sơ đồ bản vẽ; đất ông **T2** có sơ đồ bản vẽ được đo đạc thực tế vào năm 2018, có anh **N1** ký giáp ranh. Do đó, cần xác định vị trí ranh đất theo sơ đồ cấp quyền sử dụng đất cho ông **T2** làm căn cứ. Ghi nhận ý kiến của ông **T2** xác định ranh đất giáp Lộ 967 từ điểm 6 trở về phần đất ông **T2** là 0,19 mét.

Như vậy bản án sơ thẩm bác yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả phần đất ngang giáp Lộ 967 là 0,3 mét; giáp **Kinh T** (Kinh Hậu) 0,5 mét, là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm số 96/2023/DS-ST

ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên mỗi bên phải chịu là 22.217.069 đồng (Hai mươi hai triệu hai trăm mười bảy nghìn không trăm sáu mươi chín đồng) : 2 = 11.108.534 đồng (Làm tròn 11.108.000 đồng), nguyên đơn đã nộp xong. Buộc bị đơn ông **Đặng Hoài T2**, bà **Trần Thị N2** phải trả lại cho phía nguyên đơn bà **Huỳnh Thị L** (đã chết) cụ thể là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà **L** gồm ông **Võ Thanh T**, ông **Võ Việt B**, bà **Võ Thị N**, bà **Võ Thị T1**, ông **Võ Dương Đ**, ông **Võ Minh Đ1**, bà **Võ Thị Đ2**, ông **Võ Thanh N1** (đại diện là ông **Võ Thanh N1**) số tiền 11.108.000 đồng (Mười một triệu một trăm lẻ tám nghìn đồng).

[5] Về án phí dân sự:

[5.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 12, 14, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Bà **L** là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận cho miễn án phí là đúng quy định của pháp luật.

- Buộc vợ chồng ông **Đặng Hoài T2** và bà **Trần Thị N2** phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

[5.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông **Võ Thanh N1** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà **Huỳnh Thị L** là ông **Võ Thanh N1**.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 96/2023/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa lại vị trí tứ cận và chi phí tố tụng.

Căn cứ các Điều 91, 92, 147, 157, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 138, 166, 221 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100, 166, 203 của Luật đất đai; Điều 6, 12, 14, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Huỳnh Thị L** (đã chết) cụ thể là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà **L** gồm ông **Võ Thanh T**, ông **Võ Việt B**, bà **Võ Thị N**, bà **Võ Thị T1**, ông **Võ Dương Đ**, ông **Võ Minh Đ1**, bà **Võ Thị Đ2**, ông **Võ Thanh N1** (đại diện là ông **Võ Thanh N1**) về việc tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất) với bị đơn ông **Đặng Hoài T2** và bà **Trần Thị N2**.

Ghi nhận ý kiến của ông **Đặng Hoài T2**, bà **Trần Thị N2** (ông **T2** là người đại diện theo uỷ quyền của bà **N2**) xác định lại vị trí ranh đất giáp Lô 967 tại vị trí số 6 dời về hướng điển số 9 qua đất ông **T2** 0,19 mét; giữ nguyên vị trí số 4, điểm số 4 cho ông **T2** sử dụng; phần đất tọa lạc **ấp A Chợ, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang**. Vị trí giáp ranh đất của các bên được sử dụng là điểm số 4 theo sơ đồ.

- Nguyên đơn bà **Huỳnh Thị L** (đã chết) cụ thể là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà **L** gồm ông **Võ Thanh T**, ông **Võ Việt B**, bà **Võ Thị N**, bà **Võ Thị T1**, ông **Võ Dương Đ**, ông **Võ Minh Đ1**, bà **Võ Thị Đ2**, ông **Võ Thanh N1** (đại diện là ông **Võ Thanh N1**) được sử dụng phần đất tranh chấp cụ thể theo hình 1,2,3,4, 5 và điểm đo từ điểm 6 hướng đến điểm 9 là 0,19m.

- Ông **Đặng Hoài T2**, bà **Trần Thị N2** được sử dụng phần đất cụ thể theo hình 4,7,10,11,12,13,14,15 và điểm đo từ điểm 9 hướng đến điểm 6 là 0,12m.

(Theo sơ đồ vị trí, kích thước cụ thể của thửa đất được xác định theo Tờ trích đo địa chính số: TĐ 93 - 2023 được Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện A** duyệt ngày 8/8/2023).

2. Về chi phí tố tụng:

- Buộc nguyên đơn bà **Huỳnh Thị L** (đã chết) cụ thể là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà **L** gồm ông **Võ Thanh T**, ông **Võ Việt B**, bà **Võ Thị N**, bà **Võ Thị T1**, ông **Võ Dương Đ**, ông **Võ Minh Đ1**, bà **Võ Thị Đ2**, ông **Võ Thanh N1** phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 11.108.000 đồng (Mười một triệu một trăm lẻ tám nghìn đồng). Đã nộp xong.

- Buộc bị đơn ông **Đặng Hoài T2**, bà **Trần thị N3** phải trả lại cho phía nguyên đơn bà **Huỳnh Thị L** (đã chết) cụ thể là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà **L** gồm ông **Võ Thanh T**, ông **Võ Việt B**, bà **Võ Thị N**, bà **Võ Thị T1**, ông **Võ Dương Đ**, ông **Võ Minh Đ1**, bà **Võ Thị Đ2**, ông **Võ Thanh N1** (đại diện là ông **Võ Thanh N1**) số tiền 11.108.000 đồng (Mười một triệu một trăm lẻ tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc vợ chồng ông **Đặng Hoài T2** và bà **Trần Thị N2** phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông **Võ Thanh N1** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện An Minh;
- THA dân sự huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bá Kha

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trần Bá Kha